

Ngày	98,900 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.1%	16.6%	27.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	68,571 - 100,896
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33,088
Số lượng CPLH (CP)	334,559,621
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,377,161
Sở hữu nước ngoài	49.0%
Beta	0.49
EPS	5,861
P/E	16.9

DT thuần

Q1/24

12,594

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2,834| 29.0%

YoY: ▲ 2,798| 28.6%

LN trước thuế

Q1/24

936

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 139| 17.4%

YoY: ▼7.00| -0.8%

LN sau thuế

Q1/24

738

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 106| 16.7%

YoY: ▼11.0| -1.5%

ROA

2023

14.2%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

2023

33,137

tỷ VNĐ

YoY: ▼739| -2.2%

LN trước thuế

2023

2,489

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 177| 7.6%

LN sau thuế

2023

1,971

tỷ VNĐ

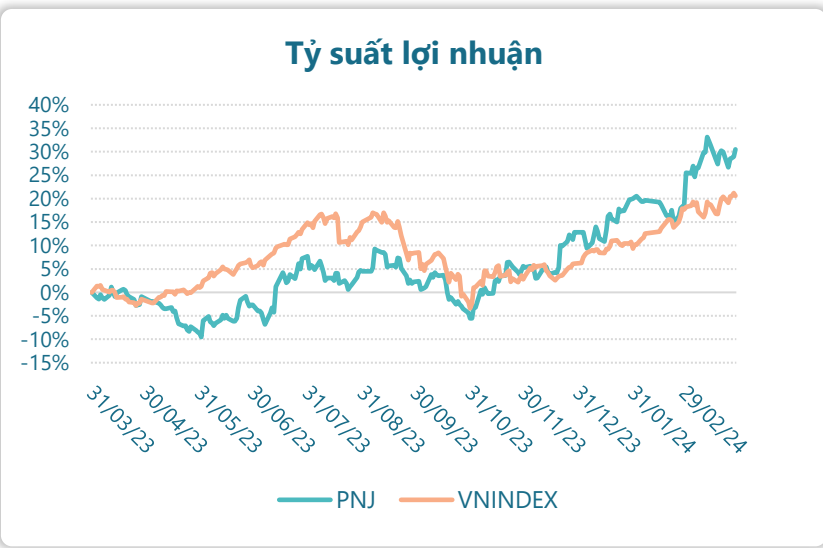
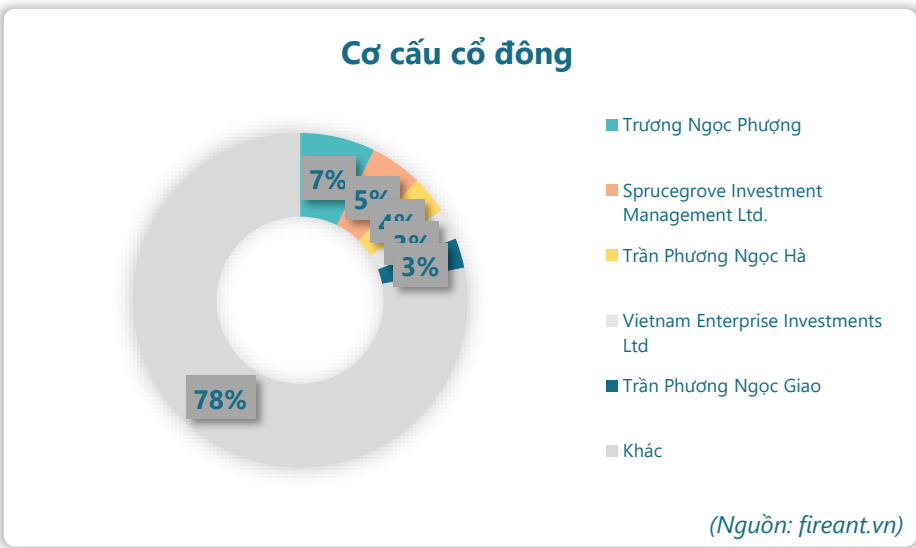
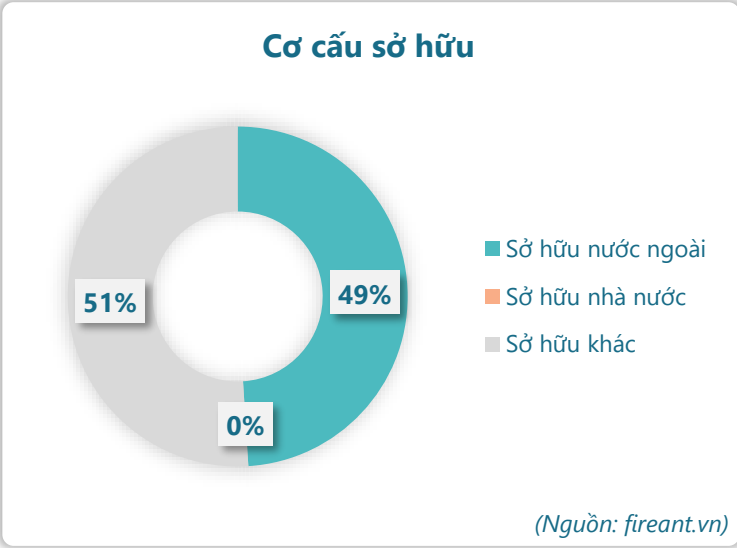
YoY: ▲ 160| 8.9%

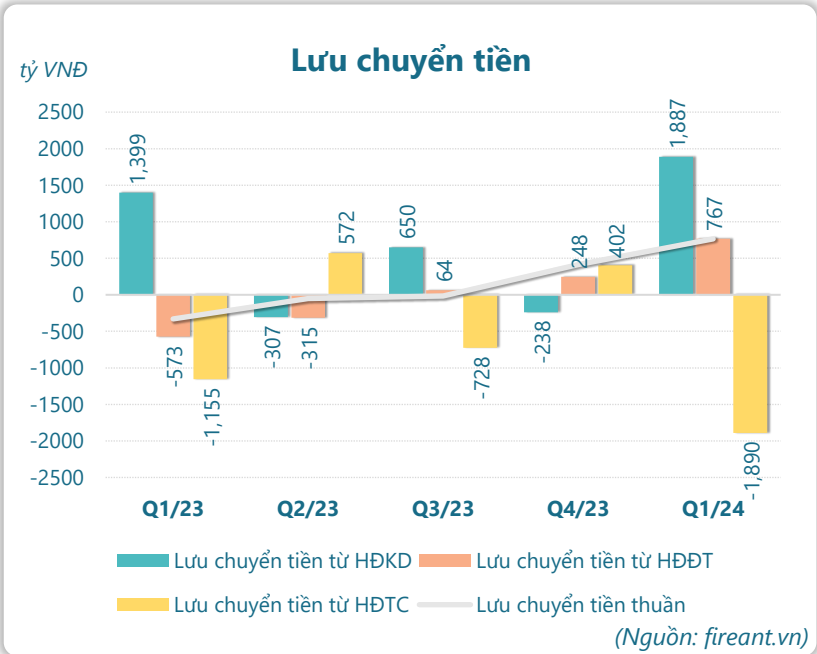
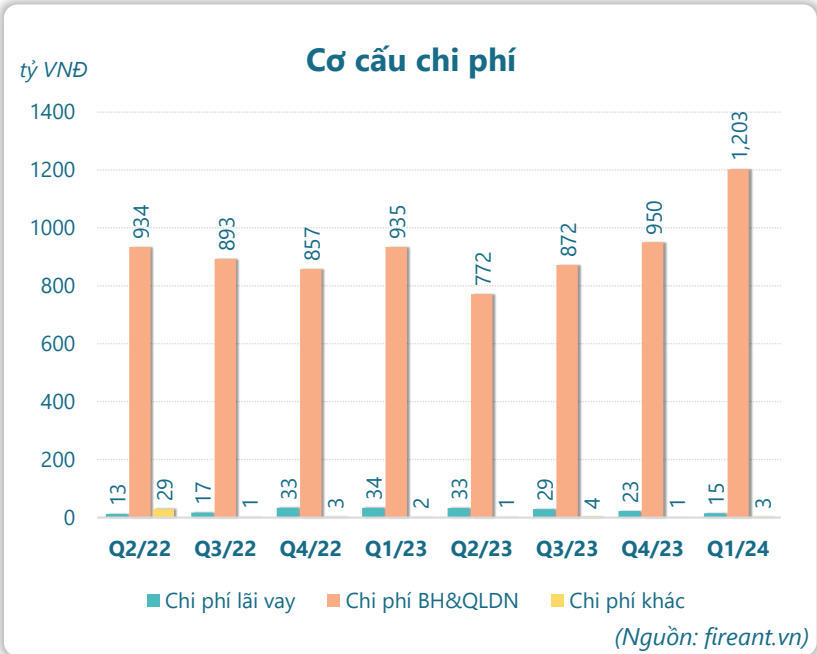
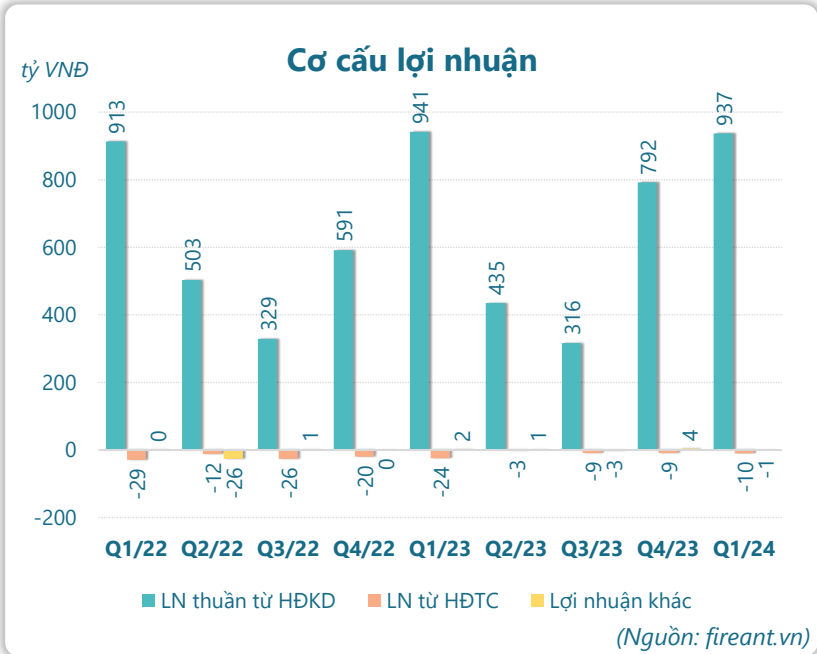
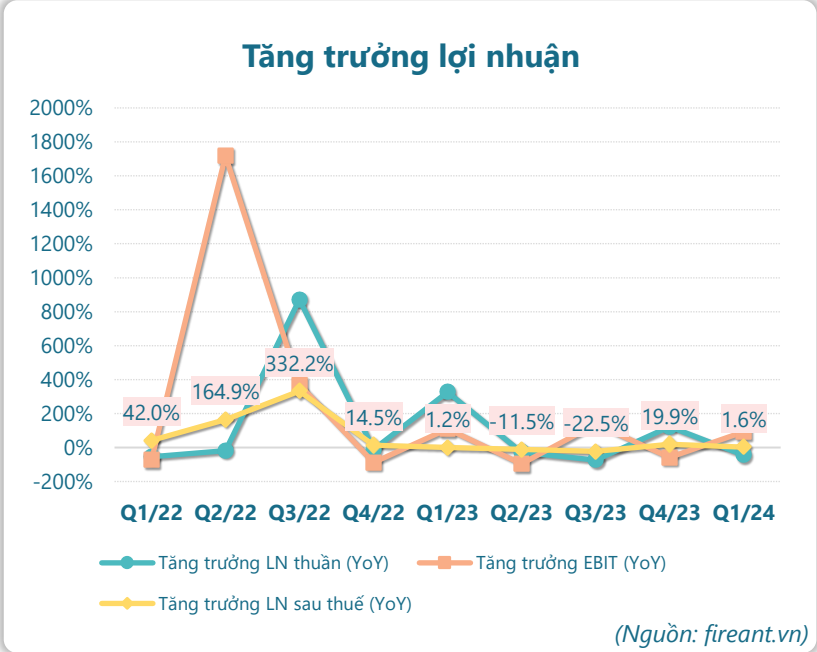
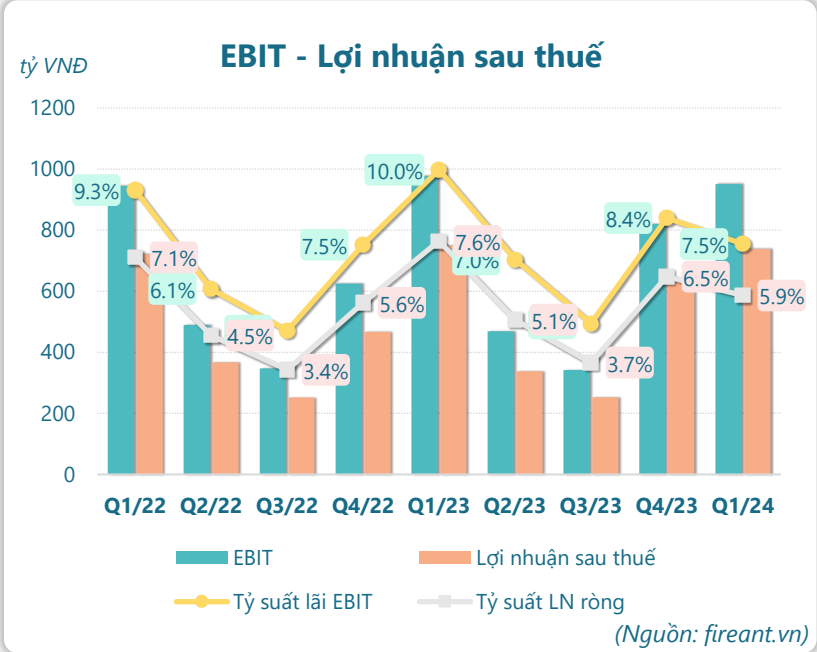
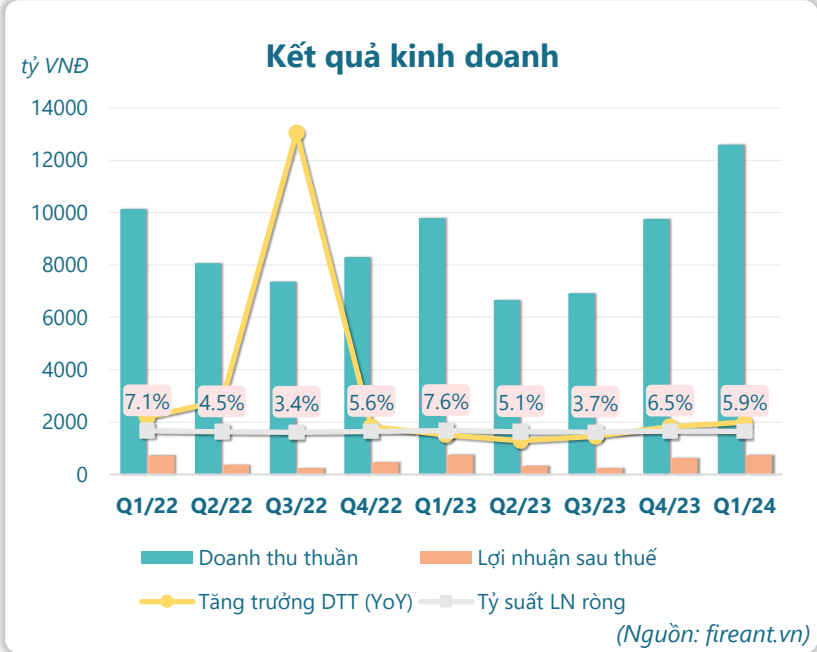
ROE

2023

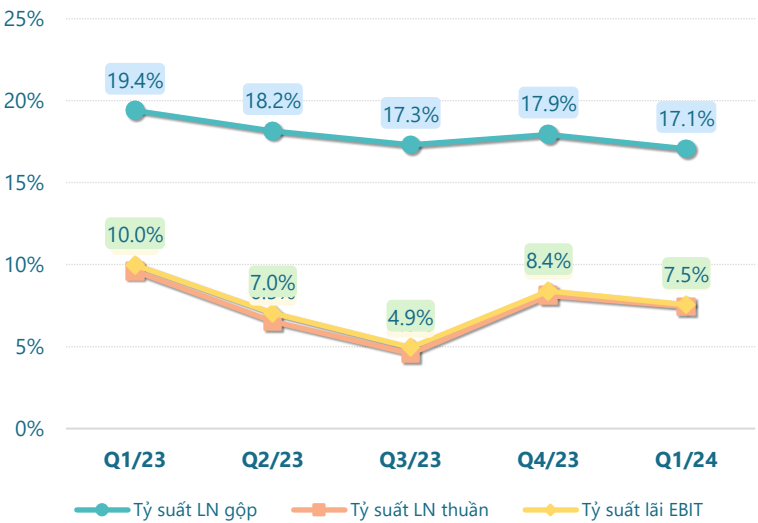
21.6%

+/- YoY: ▼ 3.4%



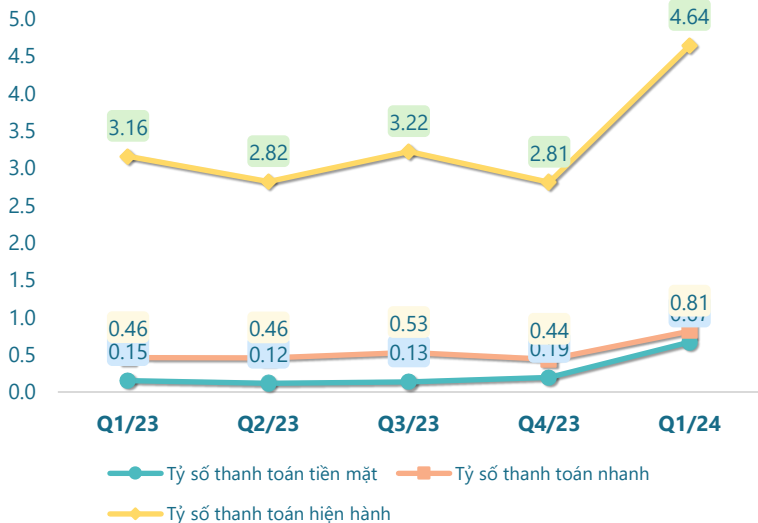


Tỷ suất lợi nhuận



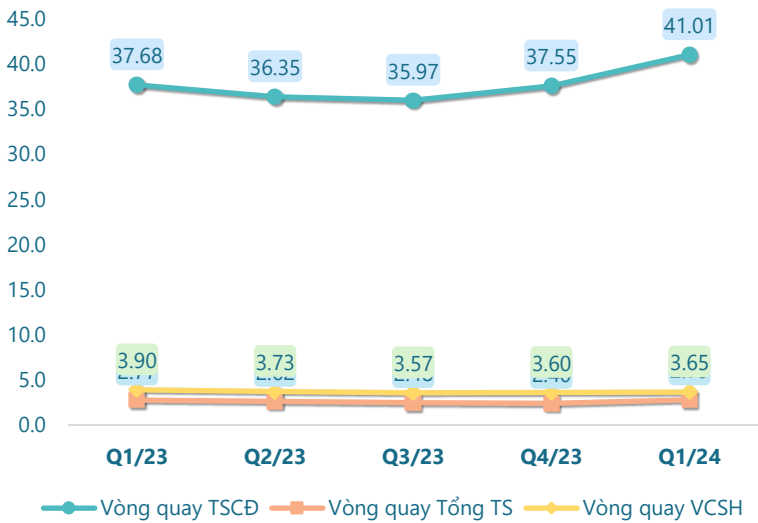
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



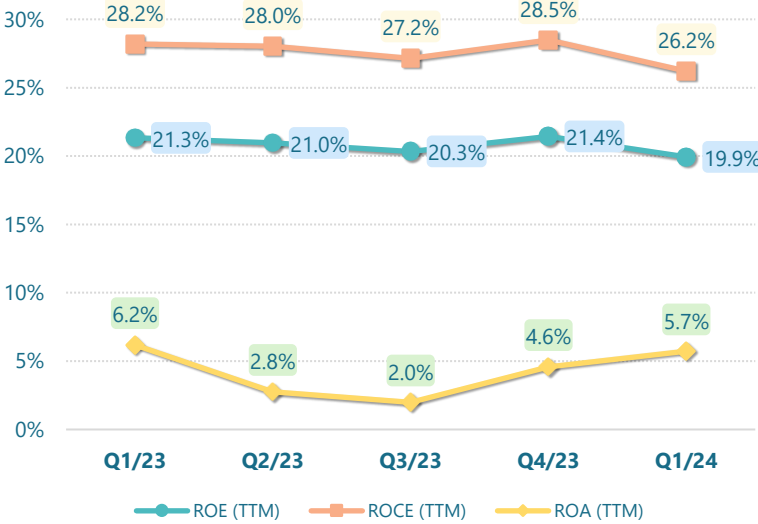
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



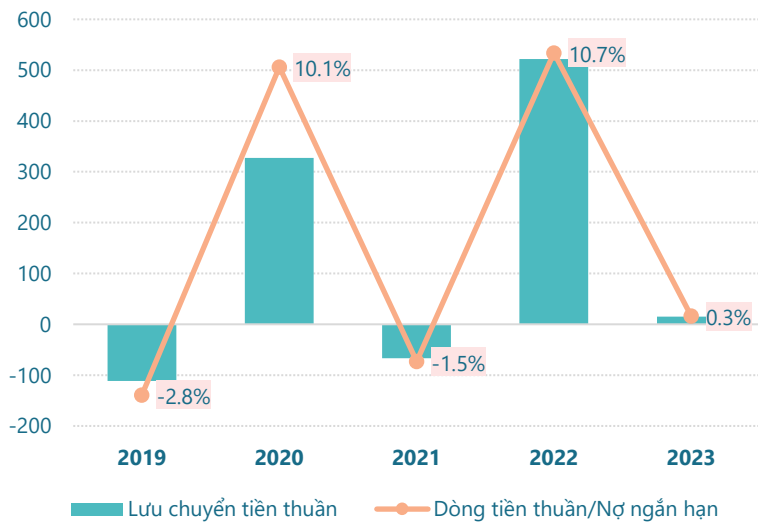
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



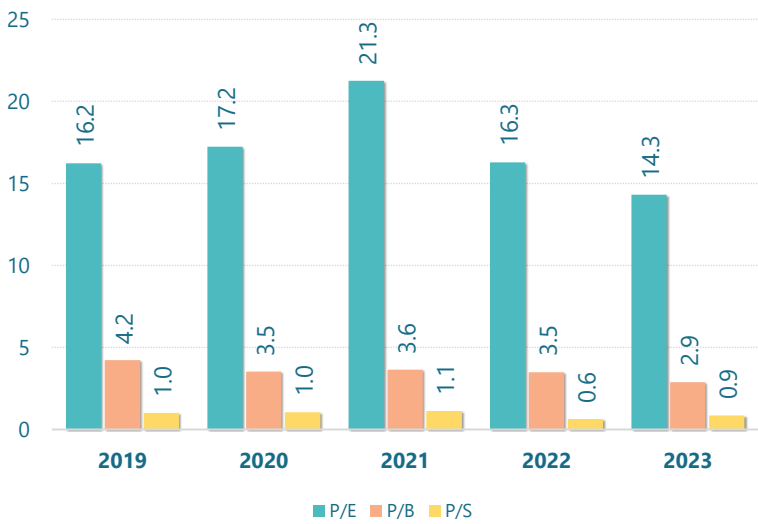
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)